TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ- ST
Ngày 13-6-2023
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Minh
- Bà Triệu Thị Thủy Hoàn

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30-5-2023giữa;

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1982- Có mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Dương Đức P, sinh năm 1970- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày: Chị M và anh Dương Đức P kết hôn với nhau ngày 15-3-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L. Sau khi kết hôn chị M và anh P sống hòa thuận. Đến tháng 9-2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh P không quan tâm đến đời sống gia đình vợ con. Nay chị M xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị M và anh P có một con chung tên là Dương Thùy T, sinh ngày 01-6-2015. Hiện nay cháu T đang ở với chị M, chị có nguyện vọng nuôi cháu

T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 19-4-2023, đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn anh Dương Đức P trình bày: Anh P và chị Hoàng Thị M kết hôn với nhau ngày 15-3-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Y. Sau khi kết hôn anh P và chị M sống hòa thuận, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh P xác định tình cảm không còn chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh P và chị M có một con chung tên là Dương Thùy T, sinh ngày 01-6-2015. Hiện nay cháu T còn nhỏ đang ở với chị M anh P nhất trí để chị M là người trực tiếp nuôi cháu T, anh P cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải, nhưng anh P vắng mặt nên không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị M được ly hôn anh P; giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi; chị M và anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Hoàng Thị M và anh Dương Đức P kết hôn với nhau ngày 15-3-2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị M và anh P sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Chị M và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Nay chị M xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Đối với anh P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh P cũng xác định tình cảm không còn chị M xin ly hôn anh đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 16-5-2023 ở Thôn Làng T, xã Y, huyện L, tỉnh Y nơi chị M và anh P cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn của chị M và anh P là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị M và anh P là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị M được ly hôn anh P.

[4] *Về con chung*: Chị M và anh P có một con chung tên là Dương Thùy T, sinh ngày 01-6-2015. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh P cấp dương nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T hiện nay đang ở cùng chị M, nguyện vọng của cháu T muốn được ở cùng chị M. Về phía anh P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh P vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh P nhất trí để chị M trực tiếp nuôi cháu T và anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Do đó chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu T có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế được chấp nhận. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh P là người phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Dương Đức P.

2- Về con chung xử: Giao cháu Dương Thùy T, sinh ngày 01-6-2015 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Dương Đức P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7-2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí:

- Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0003508 ngày 07-4-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Đức P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4- Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Đức P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã Yên Thắng;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh